

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 09 tháng 9 năm 2021

Về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Lang và ông Vi Hoài Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Mỹ L, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn N, xã TT, huyện NH, tỉnh TQ. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ. Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nông Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Đ qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ vào ngày 03/10/2017 theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, anh Đ không chịu khó tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, đàn đúm bạn bè, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Thực tế vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn Đ có 01 con chung

là cháu Hoàng Tiến D, sinh ngày 02/02/2018, hiện nay cháu D đang ở cùng anh Hoàng Văn Đ. Chị L đề nghị giao con chung cho anh Đạt trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị L xác định chị và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi, triệu tập anh Hoàng Văn Đ đến để giải quyết vụ án nhưng anh Đ đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Đạt vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ. Theo cung cấp của Tổ trưởng tổ dân phố N và ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị S (là bố mẹ đẻ của anh Đ) thì việc chị L và anh Đ kết hôn với nhau như chị L đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn vợ chồng chị L anh Đ ở chung với gia đình ông T, bà S tại tổ dân phố N, thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ, sau đó ông T, bà S có làm cho anh Đ 01 ngôi nhà gỗ 03 gian để anh Đ ra ở riêng nhưng anh Đ chưa ra ở. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Anh Đ trước đây thường xuyên đi làm các công trình xây dựng quanh khu vực thị trấn Na Hang, thời gian gần đây có nhận đi làm công trình ở tỉnh Bắc Ninh, do tình hình dịch bệnh phức tạp nên thời gian gần đây không về địa phương; tổ dân phố và gia đình không biết địa chỉ cụ thể và nơi làm việc của anh Đ ở đâu, anh Đ cũng không thông báo cho gia đình biết, anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Đại diện tổ dân phố và gia đình xác nhận có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh Đ nhưng anh Đ không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa; Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Mỹ L xử cho chị Nông Thị Mỹ L được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Hoàng Tiến D, sinh ngày 02/02/2018 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nông Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nông Thị Mỹ L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nông Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản phô tô); Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nông Thị Mỹ L (bản phô tô); Giấy khai sinh mang tên Hoàng Tiến D (Bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại tổ dân phố N, thị trấn NH, huyện NH; xác minh tại thôn NN, xã TT, huyện NH xác minh đối với ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị S.

Tòa án đã thông báo cho anh Hoàng Văn Đ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Đ không đến Tòa án giải quyết, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, các đương sự chưa thống nhất được nội dung gì nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nông Thị Mỹ L và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ là hôn nhân hợp pháp; Chị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh Hoàng Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh Hoàng Văn Đạt có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh Đ và chính quyền địa phương đã thông báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ không đến Tòa án giải quyết vụ án, đây được xem là trường hợp cố tình không hợp tác, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Na Hang quyết

định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Nông Thị Mỹ L và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ theo quy định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có cơ sở xác định giữa chị L và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay là đúng thực tế. Trong suốt thời gian sống ly thân, chị L về nhà bố mẹ đẻ và đi làm xa hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không gặp nhau, không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đến thời điểm hiện nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh Đ sinh được 01 con chung là cháu Hoàng Tiến D, sinh ngày 02/02/2018, chị L đề nghị giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

HDXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại tổ dân phố N, thị trấn NH và xác minh tại thôn NN, xã TT, thể hiện: Chị Nông Thị Mỹ L hiện nay thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có chỗ ở cố định, không có nghề nghiệp ổn định, chỉ biết hiện nay đi làm ở tỉnh Bắc Ninh, vì vậy không đảm bảo các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh Hoàng Văn Đ thường xuyên đi làm cho các công trình xây dựng quanh khu vực thị trấn Na Hang, mức thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng; hiện nay tại tổ dân phố N, thị trấn NJ anh Đ đã có nhà riêng. Cháu Đ hiện đang ở cùng anh Đ vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, anh Đ vẫn đảm bảo về điều kiện chỗ ở cũng như kinh tế để nuôi con chung, ngoài ra anh Đ còn được sự hỗ trợ từ bố mẹ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Hoàng Tiến D cần giao con chung cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế. Do hiện nay chị L không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi

con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nông Thị Mỹ L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Nông Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nông Thị Mỹ L được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Tiến D, sinh ngày 02/02/2018 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nông Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nông Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002253, ngày 04/5/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Văn Đ không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND thị trấn NH (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quan Văn Ngụ Lương Quang Toán

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Toán

Đỗ Mai Sơn

Triệu Ngọc Thúc

